

1. Rủi ro xã hội và các đảm bảo hiểm cho rủi ro xã hội

Rủi ro xã hội là các rủi ro gắn liền với các biến cố có thể làm giảm thu nhập hoặc tăng các chi phí của một cá nhân trong xã hội như: ốm đau, tai nạn lao động, tuổi già, tử vong, bị thải loại (thất nghiệp).

Rủi ro xã hội được đảm bảo trước tiên bởi hệ thống an sinh xã hội nói chung, bảo hiểm xã hội nói riêng. Thuật ngữ An sinh xã hội được chính thức khai sinh với tư cách là tiêu đề của một đạo luật ở Mỹ (Luật 1935 về An sinh xã hội), chỉ sự bảo vệ trong bốn trường hợp: tuổi già, chết, tàn tật và thất nghiệp. Năm 1952, Hội nghị toàn thể của Văn phòng Lao động quốc tế (ILO) đã thông qua Công ước 102 về An sinh xã hội. Theo ILO, khái niệm “An sinh xã hội” chỉ sự bảo vệ của xã hội đối với những thành viên của mình, bằng một loạt những biện pháp công cộng, chống đỡ sự hẫng hụt về kinh tế và xã hội do bị mất hoặc bị giảm đột ngột nguồn thu nhập vì ốm đau, thai sản, tai nạn lao động – bệnh nghề nghiệp, thất nghiệp, tàn tật, tuổi già và chết, kể cả sự bảo vệ chăm sóc y tế và trợ cấp gia đình có con nhỏ.

Những cơ chế chủ yếu của nó bao gồm: bảo hiểm xã hội, cứu trợ xã hội (còn gọi là cứu tế xã hội), các chế độ trợ cấp từ quỹ công cộng, các chế độ trợ cấp gia đình, các quỹ dự phòng, sự bảo vệ do người sử dụng lao động cung cấp, các dịch vụ liên quan đến an sinh xã hội. Trong đó, bảo hiểm xã hội là trụ cột quan trọng thứ nhất. Theo tổng kết của ILO (công ước 102 năm 1952), bảo hiểm xã hội bao gồm 9 chế độ chủ yếu sau: chăm sóc y tế, trợ cấp ốm đau, trợ cấp thất nghiệp, trợ cấp tuổi già, trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, trợ cấp gia đình, trợ cấp thai sản, trợ cấp tàn tật, trợ cấp tử tuất.

Ở VN xét từ năm 1945 đến nay, chúng ta gần như đã thực hiện đầy đủ các chế độ cần có của cơ chế bảo hiểm xã hội và rất nhiều cơ chế khác của an sinh xã hội mà các quốc gia khác trên thế giới đang thực hiện. Hệ thống này tương đối phức tạp bao gồm: bảo hiểm xã hội, cứu trợ xã hội, ưu đãi xã hội, chăm sóc xã hội, dịch vụ xã hội và các đảm bảo khác. Trong đó, nội dung thực hiện bảo hiểm xã hội ở VN theo quy định tại chương XII Luật lao động (được Quốc hội thông

Nâng cao vai trò của bảo hiểm thương mại trong việc cung cấp các đảm bảo bảo hiểm cho rủi ro xã hội

NGUYỄN TIẾN HÙNG



qua ngày 23.6.1994) bao gồm 5 chế độ sau: chế độ ốm đau; chế độ trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; chế độ trợ cấp thai sản; chế độ hưu trí; chế độ tiền tử. Ngoài ra, người lao động còn được hưởng chế độ chăm sóc y tế (khám và chữa bệnh) theo điều lệ bảo hiểm y tế. Và đặc biệt là kể từ ngày 21.3.2001, người lao động tham gia bảo hiểm xã hội còn được hưởng chế độ trợ cấp nghỉ dưỡng sức (Quyết định số 37/2001/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ).

Bảo hiểm xã hội VN trong những năm gần đây đã đạt được những thành tựu nhất định. Năm 1995, bảo hiểm xã hội VN tiếp nhận 2,85 triệu người lao động tham gia, chủ yếu là công chức nhà nước và lực lượng vũ trang, đến năm 2002 số người tham gia bảo hiểm xã hội là 4,7 triệu người. Số thu bảo hiểm xã hội cũng tăng tương ứng qua các năm, năm

1995 đạt 800 tỷ VND thì năm 2002 đã đạt trên 6.700 tỷ VND, tăng hơn 8 lần. Việc chi trả các chế độ bảo hiểm xã hội từ nguồn quỹ bảo hiểm xã hội tăng từ 800 tỷ VND lên đến 2.300 tỷ vào năm 2002. Hiện nay, quỹ bảo hiểm xã hội có số tồn tích khoảng 27.000 tỷ VND. Bảo hiểm y tế VN (hiện đã sáp nhập vào BHXH VN) hiện nay đảm bảo cho hơn 16% dân số VN chế độ khám chữa bệnh. Nguồn thu của bảo hiểm y tế VN đạt gần 1.300 tỷ. Hiện nay, hệ thống an sinh xã hội nói chung, hệ thống bảo hiểm xã hội nói riêng ở VN đã bắt đầu thực hiện công cuộc đổi mới và đang đứng trước một đối hời bức bách là phải nhanh chóng hoàn thiện các chế độ đảm bảo (số lượng, nội dung đảm bảo, nguồn huy động ...), nhằm đảm bảo tốt cho mọi người lao động.

Các rủi ro xã hội còn được đảm bảo bởi các dịch vụ của các nhà bảo hiểm

trên thị trường bảo hiểm. Các sản phẩm bảo hiểm thuộc loại hình bảo hiểm con người như bảo hiểm cho rủi ro tai nạn, bệnh, các loại bảo hiểm nhân thọ cung cấp những đảm bảo bổ sung, để cùng với hệ thống an sinh xã hội bảo đảm tốt hơn cho rủi ro con người. Tuy nhiên, khác với bảo hiểm xã hội, có sự hỗ trợ quan trọng của nhà nước nên có thể đảm bảo cho một phạm vi rủi ro xã hội rất rộng bao gồm cả những rủi ro liên quan đến vấn đề gia đình, thất nghiệp dài hạn,...(ở mức độ nào đó mang tính chủ quan, tất nhiên), các doanh nghiệp bảo hiểm cung cấp một loại hàng hóa dịch vụ bảo hiểm chỉ có thể đảm bảo cho các rủi ro gắn liền với các sự cố khách quan và có thể tính toán được như các rủi ro về sức khỏe, tuổi già, rủi ro mất khả năng thanh toán cho một khoản tín dụng tiêu dùng do thất nghiệp tạm thời...

Ở các quốc gia công nghiệp phát triển, mặc dù ở đó hệ thống an sinh xã hội - bảo hiểm xã hội hình thành rất sớm, hoàn thiện và đặc biệt là được quản lý theo mô hình tập trung đối với toàn dân, nhưng lĩnh vực bảo hiểm con người của bảo hiểm thương mại không phải vì vậy mất vai trò mà phát triển rất mạnh chiếm vị trí đáng kể trong đời sống kinh tế - xã hội. Nhưng cũng chính từ tình hình trên, người ta thấy rằng, chỉ 10 quốc gia công nghiệp phát triển đã chiếm đến hơn 80 % thị phần bảo hiểm nhân thọ toàn cầu. Điều này có nghĩa là, ở những quốc gia đang phát triển, đồng thời với hệ thống bảo hiểm xã hội ở các quốc gia này còn chưa hoàn thiện, nhiều người dân còn chưa được hưởng các đảm bảo y tế, xã hội tối thiểu, thì hệ thống đảm bảo cho rủi ro con người của bảo hiểm thương mại cũng còn rất yếu kém, thị trường bảo hiểm phi nhân thọ thường lớn hơn thị trường bảo hiểm nhân thọ. Nguyên nhân dẫn đến tình trạng trên có thể phân tích như sau:

- Một là, do kinh tế kém phát triển nên chính phủ thiếu ngân sách để giải quyết vấn đề rủi ro xã hội thông qua hệ thống bảo hiểm xã hội, dân chúng có thu nhập thấp nên khó lòng có thể tiếp cận dịch vụ bảo hiểm.

- Hai là, về phương diện địa lý, các thiết chế bảo hiểm thường tập trung ở các khu vực đô thị và do vậy khó tiếp cận đối với dân cư nông thôn vốn thường chiếm đa số ở các quốc gia này.

Bảng 1: Tình hình đảm bảo cho rủi ro con người của bảo hiểm thương mại VN
Đơn vị: Tỷ VND

Chỉ tiêu	2001	2002	2003	2004 (*)
Tổng doanh thu bảo hiểm	5.067	7.707	10.327	12.527
Doanh thu bảo hiểm nhân thọ	2.786	4.645	6.442	7.800
Doanh thu bảo hiểm phi nhân thọ	2.281	3.062	3.885	4.727
Doanh thu bảo hiểm SK & TNCN	428	484	590	1.056
Tổng giá trị đảm bảo cho rủi ro con người	3.214	5.129	7.032	8.856
Tỷ trọng giá trị đảm bảo bảo hiểm cho rủi ro con người trong doanh thu toàn thị trường	63,43%	66,54%	68,09%	70,69%

(*) Ước tính, Nguồn: Tổng hợp từ thông tin của Hiệp hội bảo hiểm Việt Nam, VinaRe

- Ba là, những khó khăn trong việc nắm bắt các thủ tục, các quy định vốn phức tạp đòi hỏi một trình độ kiến thức cơ bản mà đáng tiếc là một bộ phận lớn trong dân chúng chưa đạt được.

Ở Việt Nam, tình hình có sự khác biệt so với các nước đang phát triển trên thế giới, đặc biệt trong một vài năm gần đây. Thị trường bảo hiểm nhân thọ phát triển nhanh với tốc độ cao và tạo ra sự tăng trưởng "bùng nổ", năm 2004, doanh thu bảo hiểm nhân thọ VN đạt 7.800 tỷ VND. Các công ty bảo hiểm nhân thọ đã và đang cung cấp nhiều sản phẩm đa dạng không chỉ giúp người dân bảo vệ mình trước những rủi ro mà còn cung cấp những chương trình tiết kiệm đảm bảo thu nhập cho họ và gia đình một cách ổn định và lâu dài. Hơn nữa, các rủi ro xã hội còn được các công ty bảo hiểm phi nhân thọ đảm bảo bằng các loại bảo hiểm tai nạn, sức khỏe hình thành ở VN từ những năm 80, 90 của thế kỷ trước như: bảo hiểm học sinh (1986), bảo hiểm tai nạn lao động (1987), bảo hiểm tai nạn cá nhân 24h/24h, bảo hiểm TNTTHS (1991), bảo hiểm trợ cấp nằm viện và phẫu thuật (1992) ... Năm 2004, doanh thu bảo hiểm gốc thu được từ những loại hình này ước đạt 1.056 tỷ VND, chiếm 22,33% trong tổng phí bảo hiểm gốc phi nhân thọ (hiện nay, ở VN có 14 doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ cung cấp loại dịch vụ này). Như vậy tính chung cho cả hai lĩnh vực nhân thọ và phi nhân thọ, tổng đảm bảo của bảo hiểm con người thuộc bảo hiểm thương mại cho các rủi ro xã hội đạt giá trị là 8.856 tỷ VND (chiếm hơn 70% doanh thu cả thị trường bảo hiểm).

Kết quả khả quan trên có thể thấy do một số nguyên nhân sau:

- Một là, thành công của chính sách đổi mới dẫn đến kinh tế tăng trưởng với tốc độ cao và ổn định trong hơn một thập niên gần đây, thu nhập tăng tạo cơ sở kinh tế quan trọng cho việc hình thành và sự dụng các quỹ dự trữ bảo hiểm.

- Hai là, sự mở cửa kịp thời thị trường bảo hiểm, đặc biệt là bảo hiểm nhân thọ tạo điều kiện chuyển giao công nghệ bảo hiểm đảm bảo cho rủi ro xã hội (Hiện nay, ở VN có 5 doanh nghiệp bảo hiểm hoạt động trong lĩnh vực nhân thọ, trong đó, 1 doanh nghiệp nhà nước, 1 liên doanh và 3 công ty 100% vốn nước ngoài). Tình hình trên cũng cho thấy việc quản lý các đảm bảo bảo hiểm cho rủi ro xã hội có biểu hiện bước đầu của sự "phi tập trung hóa", bảo hiểm thương mại đã có vai trò đáng kể.

Bên cạnh đó, cũng cần thấy một số vấn đề cần quan tâm:

- Mặc dù có sự tiến bộ đáng kể, nhưng các đảm bảo cho các rủi ro xã hội ở VN vẫn chưa cao, đặc biệt chưa tiếp cận đầy đủ đối với lực lượng dân nghèo, lao động nông nghiệp, người lao động tự do.

- Việc phát triển hai hệ thống bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thương mại có vẻ như là hai vấn đề độc lập nhau chứ không phải là hai công cụ trong một chiến lược thống nhất phát triển hệ thống đảm bảo bảo hiểm cho rủi ro xã hội nói chung nhằm tạo ra "sức lao động bền vững" cho một nền kinh tế xã hội bền vững. Chính vì vậy, thiếu vắng hẳn sự phối hợp nằm bổ sung cho nhau, khắc phục mặt trái của nhau, tạo ra sự đảm bảo đầy đủ và hiệu quả với chi phí thấp nhất đứng ở góc độ toàn xã hội.

2. Nâng cao vai trò của bảo hiểm thương mại trong việc cung cấp đảm bảo bảo hiểm cho rủi ro xã hội ở VN

Mục tiêu của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội VN không chỉ hướng tới việc tăng trưởng kinh tế mà còn ổn định và tiến bộ xã hội. Việc phát triển và hoàn thiện hệ thống đảm bảo bảo hiểm cho rủi ro xã hội thể hiện sự phức hợp của cả hai mục tiêu lớn đó. Phát triển thị trường bảo hiểm thương mại trong đó có thị trường bảo hiểm con người (nhân thọ, tai nạn cá nhân và sức khỏe), hoàn thiện hệ thống bảo hiểm xã hội của nhà nước phải chăng là hai vấn đề độc lập thuộc hai chính sách độc lập: chính sách kinh tế - tài chính và chính sách xã hội? Sẽ bất cập, và kém hiệu quả (cả về tài chính, kinh tế lẫn xã hội) nếu như không tiếp cận tổng thể và tiến hành đồng bộ. Với quan điểm đó, thiết nghĩ những vấn đề cần phải xem xét như sau:

(i.) Cần xác định rõ mô hình quản lý hệ thống các đảm bảo bảo hiểm cho rủi ro xã hội: tập trung hay phi tập trung? Thực tế cho thấy, hàng năm các công ty bảo hiểm thương mại qua các sản phẩm bảo hiểm tai nạn, bệnh (ở khu vực phi nhân thọ) và các sản phẩm riêng - bổ trợ (ở khu vực nhân thọ) cũng góp phần trang trải đáng kể chi phí chăm sóc y tế cho người dân trong điều kiện bảo hiểm

y tế của bảo hiểm xã hội VN chỉ mới chăm lo cho 16% dân số, và chỉ chi trả 80% chi phí y tế cho người tham gia bảo hiểm. Theo quan điểm chúng tôi, mô hình phi tập trung là phù hợp vì phi tập trung hóa đồng nghĩa với xã hội hóa làm giảm gánh nặng cho ngân sách nhà nước trong điều kiện còn nhiều khó khăn hiện nay.

(ii.) Trên cơ sở chọn mô hình phi tập trung, cần xác định rõ phạm vi mà Bảo hiểm xã hội VN phải tập trung thực hiện. Về rủi ro, đó là nhóm rủi ro có tính "chủ quan" hoặc xuất phát từ "biến cố cơ bản" mà không thể bảo hiểm theo nguyên tắc của bảo hiểm thương mại: trợ cấp gia đình, thất nghiệp - bị thải loại ra ngoài lề xã hội. Về đối tượng, đó là những đối tượng thuộc diện bắt buộc (người lao động hưởng lương), và đặc biệt, những người nghèo khó trong xã hội. Giai đoạn trước mắt, cần củng cố, hoàn thiện việc thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội cho đối tượng này, chưa nên đầu tư tiền của và con người vào việc triển khai bảo hiểm xã hội tự nguyện, mà hãy dành phần này và bảo hiểm thương mại (đang có sẵn và phát triển rất mạnh mẽ).

(iii.) Đối với bảo hiểm thương mại, cần phải:

- Trong phạm vi rủi ro và đối tượng cần "phi tập trung hóa" mạnh mẽ, chủ động mở cửa để phát triển thị

trường bảo hiểm con người để cung cấp ngày càng nhiều sản phẩm dịch vụ bảo hiểm đảm bảo cho đời sống của dân chúng. Nên nhớ rằng, thời gian để thực hiện việc này không còn nhiều, khi mà hiệp định thương mại Việt - Mỹ có hiệu lực, VN gia nhập WTO thì các dịch vụ bảo hiểm có thể tự do cung cấp trực tiếp từ bên ngoài vào.

- Nhà nước cần kiểm soát chặt chẽ các doanh nghiệp bảo hiểm, chống hiện tượng kiếm lời quá đáng trong việc bảo hiểm cho rủi ro con người, đảm bảo việc huy động và sử dụng quỹ cho việc phục vụ lợi ích của người dân VN và nền kinh tế VN. Mặt khác, thông qua các đòn bẩy tài chính như ưu đãi về thuế khuyến khích các doanh nghiệp triển khai các loại hình bảo hiểm đa dạng, phù hợp cho nhiều nhóm dân cư khác nhau, đặc biệt phù hợp với tình trạng thu nhập còn thấp của người lao động VN nhằm thu hút nhiều người tham gia. Qua đó, doanh nghiệp bảo hiểm không chỉ thực hiện được mục đích kinh doanh (có lợi nhuận) mà còn góp phần gián tiếp thực thi một chính sách xã hội lớn của Nhà nước.

- Cần nghiên cứu mô hình công ty bảo hiểm tương hỗ, hội bảo hiểm tương hỗ vốn có lịch sử lâu đời trong ngành bảo hiểm thế giới áp dụng cho việc đảm bảo các rủi ro con người theo ngành nghề ■

(Tiếp theo trang 25)

Huy động vốn đầu tư ...

5. Vận động nguồn ODA:

Từ khi tỉnh Bạc Liêu được tái lập từ 1.1.1997 đã tiếp nhận và quản lý các chương trình dự án sử dụng nguồn ODA đầu tư vào các lĩnh vực giao thông, điện khí hóa nông thôn, cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn và đô thị do chính phủ Úc, chính phủ Nhật (JBIC), WB, ADB hỗ trợ thực hiện với 6 dự án, tổng vốn là 352.840 triệu đồng.

Qua đầu tư các dự án từ nguồn ODA đã và đang phát huy được những mục tiêu đã đề ra trong dự án, góp phần đáng kể vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong hoàn cảnh ngân sách nhà nước còn nhiều khó khăn.

Về mặt xã hội các dự án sử dụng nguồn ODA đã cải thiện, nâng cao điều kiện sống của người dân trong vùng dự án, được sử dụng nước sạch, đi lại vận chuyển hàng hóa thuận lợi hơn... sử dụng được nguồn nguyên liệu tại

chỗ, tạo việc làm cho người dân tại địa phương, góp phần xóa đói giảm nghèo và các tệ nạn xã hội.

Về mặt kinh tế tạo điều kiện cho các ngành kinh tế địa phương phát triển, điều kiện sống được nâng cao, vệ sinh môi trường lành mạnh làm cho sức khỏe cộng đồng được cải thiện, tăng ngày công lao động, tăng chất lượng, số lượng sản phẩm làm ra.

Phát huy thành tựu và hiệu quả đạt được từ các dự án sử dụng ODA trong thời gian qua, tỉnh cần tiếp tục xây dựng các dự án khả thi đầu tư vào các lĩnh vực kết cấu hạ tầng: Cấp nước sạch và vệ sinh môi trường đô thị, nông thôn, xây dựng giao thông nông thôn, xây dựng công trình thủy lợi, điện khí hóa nông thôn, ... để vận động nguồn vốn ODA, thông qua Bộ kế hoạch & đầu tư đề nghị Chính phủ hỗ trợ tích cực cho Bạc Liêu từ nguồn vốn đầu tư này.

Đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng là điều kiện tiên quyết thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển, thực hiện tốt các giải pháp nêu trên chắc chắn tỉnh Bạc Liêu sẽ phát triển nhanh hơn trên tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ■